

GIẢM THIỂU TAI NẠN LAO ĐỘNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Vũ Trọng Nghĩa*

Mặc dù kinh tế đang suy thoái, song tỷ lệ tai nạn lao động (TNLD) ở Việt Nam vẫn có dấu hiệu tăng cao. Tai nạn lao động có thể ở nhiều hình thức với những yếu tố gây tai nạn và nguyên nhân khác nhau. Đến nay chúng ta mới chỉ tìm cách giảm tối thiểu những hậu quả do TNLD gây ra, chứ chưa có những biện pháp ngăn chặn tuyệt đối không để xảy ra TNLD. TNLD có thể xảy ra ở tất cả các ngành nghề và với bất cứ ai. Ngăn chặn, hạn chế TNLD đã trở thành vấn đề có tính chất toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Bài viết nghiên cứu tình huống ở Việt Nam và đề xuất một số gợi ý giải pháp nhằm giảm thiểu tai nạn lao động ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: tai nạn lao động, an toàn lao động, điều kiện lao động

1. Khái niệm về tai nạn lao động

An toàn lao động là điều kiện lao động không gây nguy hiểm hay tai nạn lao động trong quá trình sản xuất.

1.1. Điều kiện lao động

Điều kiện lao động (ĐKLĐ) là tổng thể các yếu tố về tự nhiên, xã hội, kỹ thuật, kinh tế, tổ chức thể hiện qua quy trình công nghệ, công cụ lao động, đối tượng lao động, môi trường lao động (MTLD), người lao động (NLĐ) và sự tác động qua lại giữa chúng tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động của con người trong quá trình sản xuất.

ĐKLĐ có ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng con người. Những công cụ và phương tiện có tiện nghi, thuận lợi hay ngược lại gây khó khăn nguy hiểm cho NLĐ, đối tượng lao động. Đối với quá trình công nghệ, trình độ cao hay thấp, thô sơ, lạc hậu hay hiện đại đều có tác động rất lớn đến NLĐ. MTLD đa dạng, có nhiều yếu tố tiện nghi, thuận lợi hay ngược lại rất khắc nghiệt, độc hại, đều tác động rất lớn đến sức khỏe NLĐ.

1.2. Các yếu tố gây nguy hiểm trong quá trình lao động

Yếu tố nguy hiểm là yếu tố vật chất hoặc tâm lý xuất hiện trong một ĐKLĐ cụ thể có ảnh hưởng

xấu, nguy hiểm, có nguy cơ gây tai nạn hoặc bệnh nghề nghiệp cho NLĐ.

Cụ thể là:

- Các yếu tố vật lý như nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, rung động, các bức xạ có hại, bụi...
- Các yếu tố hóa học như hóa chất độc, các loại hơi, khí, bụi độc, các chất phóng xạ...
- Các yếu tố sinh vật, vi sinh vật như các loại vi khuẩn, siêu vi khuẩn, ký sinh trùng, côn trùng, rắn...
- Các yếu tố bất lợi về tư thế lao động, không tiện nghi do không gian chỗ làm việc, nhà xưởng chật hẹp, mất vệ sinh...
- Các yếu tố tâm lý không thuận lợi...

1.3. Tai nạn lao động

Tai nạn lao động (TNLD) là tai nạn gây tử vong hoặc gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể NLĐ, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ lao động. Nhiễm độc đột ngột cũng là TNLD.

TNLD được phân ra: Chấn thương, nhiễm độc nghề nghiệp và bệnh nghề nghiệp.

* Chấn thương: Là tai nạn mà kết quả gây nên

những vết thương hay hủy hoại một phần cơ thể NLĐ, làm tổn thương tạm thời hay mất khả năng lao động vĩnh viễn hay thậm chí gây tử vong. Chấn thương có tác dụng đột ngột.

* Bệnh nghề nghiệp (BNN): Là bệnh phát sinh do tác động của ĐKLĐ có hại, bất lợi (tiếng ồn, rung...) đối với NLĐ. BNN làm suy yếu dần dần sức khỏe hay làm ảnh hưởng đến khả năng làm việc và sinh hoạt của NLĐ. BNN làm suy yếu sức khỏe NLĐ một cách dần dần và lâu dài.

* Nhiễm độc nghề nghiệp là sự hủy hoại sức khỏe do tác dụng của các chất độc xâm nhập vào cơ thể NLĐ trong điều kiện sản xuất.

1.4. Đặc trưng của tai nạn lao động

Có thể khái quát TNLĐ có ba đặc trưng cơ bản sau đây:

- Thứ nhất, những tai nạn được gọi là TNLĐ phải xảy ra bất ngờ, con người không thể lường trước được (không biết được chính xác về thời gian và không gian).

- Thứ hai, gọi là TNLĐ khi và chỉ khi gắn với quá trình làm việc của người lao động, trong một khoảng thời gian và không gian cụ thể (nghĩa là được quy định chính xác ở đâu và khi nào).

- Thứ ba, tai nạn này phải để lại hậu quả hoặc là tử vong hoặc làm tổn thương, hoặc hủy hoại chức năng hoạt động bình thường của một bộ phận nào đó của cơ thể người lao động.

Những tai nạn rủi ro nào mang đầy đủ ba đặc trưng trên đây được coi là TNLĐ và được hưởng trợ cấp từ quỹ BHXH. Ngoài ba đặc trưng chính trên đây, vấn đề TNLĐ thường rất phức tạp vì liên quan đến bồi thường, nên dần dần nội dung tai nạn lao động được mở rộng thêm cho những loại tai nạn rủi ro khác cũng được coi là TNLĐ.

- Tai nạn trên đường đi: Đây là những tai nạn xảy ra trên đường từ nơi cư trú đến nơi làm việc mà người lao động thường xuyên đi về; tai nạn xảy ra từ nơi làm việc đến nơi thường xuyên đi ăn cơm theo ca; từ nơi làm việc đến nơi thường xuyên lĩnh tiền lương của mình...

- Tai nạn xảy ra trên đường người lao động đi công tác hoặc xảy ra trong thời gian người lao động ở nơi công tác theo yêu cầu của người sử dụng lao động (ngoài nơi làm việc thường xuyên của người lao động).

- Tai nạn xảy ra khi người lao động đang thực hiện các nhu cầu sinh hoạt cá nhân theo quy định

của luật pháp hoặc doanh nghiệp cho phép, như: nghỉ giải lao, tắm sau ca, vệ sinh...

Những trường hợp trên theo quy định của Công ước 121 năm 1964 của ILO cũng được coi là tai nạn lao động và được hưởng trợ cấp TNLĐ.

Ở Việt Nam, theo Điều 105 Bộ luật lao động quy định: Tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể người lao động hoặc gây tử vong, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động.

Khái niệm này rất chặt chẽ, thể hiện đầy đủ ba đặc trưng của khái niệm TNLĐ. Tuy nhiên trong thực tế tổ chức thực hiện Luật Lao động, cũng còn có nhiều cách hiểu khác nhau. Cách hiểu khác nhau được tập trung chủ yếu vào hai nội dung sau đây:

- TNLĐ có bao gồm tất cả những tai nạn giao thông hay không? Vì trên thực tế, người lao động trên đường từ nhà đến nơi làm việc và trên đường đi về nhà có rất nhiều trường hợp còn kết hợp với việc đi chợ, đưa đón con, thăm người thân... nếu xảy ra tai nạn thì có được coi là TNLĐ hay không, hồ sơ thủ tục giải quyết chế độ người bị TNGT được coi là TNLĐ như thế nào cho phù hợp để quỹ BHXH chi trả trợ cấp đúng người, đúng vụ việc và bảo đảm quyền lợi người lao động.

- TNLĐ gắn liền với công việc, nhiệm vụ lao động: cách hiểu khác nhau về nội dung này chủ yếu tập trung vào những nguyên nhân xảy ra tai nạn lao động, như: uống rượu say, đánh nhau, đùa nhau, đi chơi lang thang trong doanh nghiệp, vô ý thức, vô kỷ luật trong lao động... những tai nạn đó có được coi là TNLĐ hay không?

Sở dĩ còn có những ý kiến khác nhau về nội dung của khái niệm TNLĐ là do khái niệm TNLĐ trong Bộ Luật Lao động chưa thể hiện được hai nội dung hiểu khác nhau này. Các văn bản dưới luật cũng chưa cụ thể hơn khái niệm trong Bộ Luật.

Kinh nghiệm ở các nước như: Cộng hòa Liên bang Đức, Thái Lan, Philippines... quy định rất rõ ràng, những tai nạn nào được coi là TNLĐ và được hưởng trợ cấp TNLĐ và những tai nạn không được coi là TNLĐ.

Đối với nước ta hiện nay, vì chưa có văn bản nào quy định rõ các tai nạn nào được coi là TNLĐ, nên hầu hết các trường hợp bị TNLĐ đều được hưởng trợ cấp từ quỹ BHXH, không phân biệt nguyên nhân. Đây là vấn đề lớn cả về mặt lý luận và thực tế

cần phải được nghiên cứu hoàn thiện.

Xét về nguyên nhân xảy ra TNLĐ; có nhiều nguyên nhân, song chủ yếu là do công tác an toàn lao động không được thực hiện tốt. Sự cố công nghệ như nổ nồi hơi, bình nén khí, bình sinh khí axetylen, thiết bị nâng không đảm bảo an toàn... vị trí, tư thế lao động gò bó; trình độ lao động thấp, ý thức kỷ luật lao động kém, tâm lý lao động không ổn định... đều là những nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến TNLĐ. Khi xét các trường hợp bị TNLĐ phải xem xét cụ thể từng nguyên nhân. Những nguyên nhân như uống rượu say, đánh nhau, đùa nhau, đi chơi lang thang trong doanh nghiệp... mà bị tai nạn thì nhất thiết không được coi là TNLĐ và không được hưởng trợ cấp TNLĐ.

Đến nay loài người đã tìm mọi biện pháp cải thiện điều kiện lao động, nhưng chỉ có thể hạn chế được TNLĐ, giảm tối thiểu những hậu quả do TNLĐ gây ra, chứ chưa có những biện pháp ngăn chặn tuyệt đối không để xảy ra TNLĐ. Vì vậy, TNLĐ được coi là hiện tượng mang tính phổ biến xảy ra ở tất cả các ngành nghề, ở tất cả các quốc gia, chứ không phải là hiện tượng cá biệt của một quốc gia nào. Ngăn chặn, hạn chế TNLĐ đã trở thành vấn đề có tính chất toàn cầu. Đối với nước ta cũng không nằm ngoài tính phổ biến đó.

2. Thực trạng tai nạn lao động ở Việt Nam

Trong giai đoạn từ 2009 đến 2012, Tổng số vụ TNLĐ có xu hướng tăng lên. Năm 2012 đã xảy ra

6777 vụ tai nạn lao động (TNLĐ), tăng 14,94% so với năm 2011. Năm 2011 đã xảy ra 5896 vụ TNLĐ, tăng 15% so với năm 2010. Riêng năm 2010, số vụ TNLĐ chỉ bằng 87,82%, giảm 771 vụ so với năm trước đó là 2009. TNLĐ tăng lên trong điều kiện kinh tế đang suy thoái, các doanh nghiệp sản xuất cầm chừng, lao động cũng ít việc làm. Phải chăng tâm lý lao động không ổn định, hay do các doanh nghiệp cắt giảm chi phí cho an toàn lao động?

Số vụ chết người năm 2009 là 508 vụ, chiếm tỷ trọng là 8,7% trong tổng số vụ TNLĐ. Năm 2010, số vụ là 554 vụ, chiếm tỷ trọng là 10,8% số vụ TNLĐ. Năm 2011, số vụ chết người là 504 vụ, chiếm tỷ trọng là 8,5% tổng số vụ TNLĐ. Năm 2012, số vụ TNLĐ là 522 vụ, tỷ trọng là 7,7 vụ trong tổng số vụ TNLĐ. Nhìn chung, tỷ trọng số vụ chết người có xu hướng giảm qua các năm. Tuy nhiên, số người bị nạn lại có dấu hiệu tăng lên. Năm 2009 và 2010, số người bị nạn tương ứng là 6047 người và 5307 người. Riêng hai năm này có dấu hiệu số người bị nạn giảm xuống. Song hai năm 2011 và 2012, số người bị nạn lại tăng lên, tương ứng là 6154 người và 6967 người. Như vậy, đến năm 2012, số người bị nạn là cao nhất.

Về số người chết qua các vụ TNLĐ có xu hướng giảm nhẹ. Năm 2009 và 2010 là những năm có số người chết do TNLĐ cao nhất, đặc biệt là năm 2010, số người chết chiếm 11,3% tổng số người bị nạn. Các năm 2011 và 2012, số lượng người chết đã giảm xuống, tuy nhiên chỉ là giảm về mặt tỷ trọng,

Bảng 1: Số vụ tai nạn lao động trong cả nước

Số TT	TNLĐ	2009	2010		2011		2012	
			SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
I	Tổng số vụ	5836	5125	87,82	5896	115,04	6777	114,94
1	Số vụ chết người (Vcn)	508	554	109,06	504	90,97	522	103,57
2	Tỷ trọng (Vcn, %)	8,7	10,8		8,5		7,7	
II	Số người bị nạn (Sn)	6047	5307	87,76	6154	115,96	6967	113,21
1	Số người chết (Sc)	573	601	104,89	574	95,51	606	105,57
2	Số người bị thương nặng (STn)	1262	1260	99,84	1314	104,29	1470	111,87
3	Số người bị thương nhẹ (Stn)	4212	3446	81,81	4266	123,80	4891	114,65
4	Tỷ trọng (Sc, %)	9,5	11,3		9,3		8,7	

Nguồn: Bộ LĐTB XH

còn mặt tuyệt đối, số người chết vẫn tăng lên (mặc dù nhẹ).

Số liệu trên cho thấy, mặc dù số vụ TNLĐ tăng lên, số vụ chết người cũng có biểu hiện tăng, song số người chết do TNLĐ lại có xu hướng giảm. Mặc dầu vậy, vẫn phải lưu ý rằng riêng trong hai năm 2011 và 2012, số vụ TNLĐ vẫn có tỷ lệ tăng tương ứng là 15,04% và 14,94%

2.1. Tình hình TNLĐ ở 10 địa phương có số vụ TNLĐ nhiều nhất

Theo số liệu bảng 2, trong những năm qua, 10 địa phương trên dễ xảy ra nhiều vụ tai nạn chết người nhất là TP Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hà Nội, Bình Dương, Đồng Nai, Hà Tĩnh, Bà Rịa-Vũng Tàu, Long An, Đà Nẵng và Bình Thuận.

Với 10 địa phương trên, số vụ TNLĐ các năm từ 2009 đến 2012, số vụ TNLĐ liên tục tăng lên với tỷ trọng so với cả nước đã tăng dần từ 48% năm 2009 lên 70% năm 2012. Trong đó, số vụ gây tai nạn chết người là 302 vụ so với 522 vụ của cả nước, chiếm 57,85%. Số người chết là 331 người so với tổng số cả nước là 606 người, chiếm 54,62%. Theo số liệu bảng 2, trong 10 tỉnh thành này, TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Quảng Ninh là những tỉnh thành phố có số vụ tai nạn lao động tăng mạnh nhất và cũng

chiếm nhiều nhất, đồng thời TP Hồ Chí Minh cũng là địa phương có số người chết nhiều nhất. Cũng trong 10 địa phương trên, năm 2012 Bà Rịa Vũng Tàu, Long An và Bình Thuận là ba địa phương mới gia nhập top 10, thay thế cho ba địa phương ra khỏi danh sách 10 địa phương là Hải Phòng, Thái Nguyên và Sơn La. Như vậy, trong thời gian qua, TNLĐ vẫn tập trung vào những tỉnh, thành phố lớn, có các hoạt động sản xuất kinh doanh đa dạng.

2.2. Tai nạn lao động theo lĩnh vực có nguy cơ cao

Xét theo lĩnh vực thường xảy ra TNLĐ, trong các năm qua, lĩnh vực xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp có số vụ luôn nhiều nhất và lớn nhất. Đồng thời, số vụ TNLĐ ở lĩnh vực này cũng tăng mạnh từ 2983 vụ năm 2009 lên 3355 vụ năm 2012. Các lĩnh vực khác cũng có số vụ TNLĐ tăng mạnh như khai thác khoáng sản, cơ khí chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, giao thông vận tải... Xét trong cả giai đoạn, 09 lĩnh vực trong bảng 03 đều có xu hướng tăng số vụ TNLĐ. Đặc biệt, số vụ TNLĐ tăng ở các lĩnh vực này trong điều kiện kinh tế đất nước đang suy giảm, nhiều doanh nghiệp thuộc lĩnh vực này chủ trương thu hẹp hoạt động sản xuất. Điều này cho thấy, các biện pháp ATLĐ chưa được chú trọng.

Bảng 2. 10 địa phương có số vụ TNLĐ nhiều nhất

ĐVT: vụ TNLĐ

TT	Địa phương	2009	2010	2011	2012
1	TP. Hồ Chí Minh	1319	892	1056	1568
2	Quảng Ninh	370	390	484	454
3	Hà Nội	111	106	123	152
4	Bình Dương	156	185	370	446
5	Đồng Nai	638	1176	1453	1624
6	Hà Tĩnh	31	33	38	89
7	Bà Rịa - Vũng Tàu ^(*)	57	65	69	302
8	Long An ^(*)	99	82	113	63
9	Đà Nẵng	46	32	68	48
10	Bình Thuận ^(*)	19	24	21	37
	Số vụ TNLĐ của 10 địa phương	2846	2985	3795	4783
	Tổng số vụ TNLĐ của cả nước	5836	5125	5896	6777
	Tỉ trọng TNLĐ của 10 địa phương so với cả nước (%)	48,76	58,24	64,36	70,57

Nguồn: Bộ Lao động TB và Xã hội

() là những tỉnh thay vị trí cho Hải Phòng, Hà Tĩnh hai năm 2011 và 2012.*

Bảng 3: Lĩnh vực hay xảy ra tai nạn lao động

ĐVT: vụ TNLĐ

Số TT	Lĩnh vực	2009	2010	2011	2012
1	Lĩnh vực xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và công trình giao thông	2983	2573	3095	3355
2	Lĩnh vực khai thác khoáng sản	906	733	1097	1464
3	Lĩnh vực cơ khí chế tạo	346	236	307	427
4	Lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng	189	138	147	156
5	Lĩnh vực giao thông vận tải	162	149	165	210
6	Lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng công nghiệp nhẹ	152	159	200	251
7	Lĩnh vực luyện kim	141	138	171	190
8	Lĩnh vực xây lắp điện	134	128	177	169
9	Khác	823	871	537	556
	Tổng số vụ	5836	5125	5896	6777

Nguồn: Bộ LĐTBXH

2.3. Tai nạn lao động theo yếu tố chấn thương gây chết người có tỷ lệ cao

Trong số các yếu tố gây chấn thương, yếu tố (3) có số vụ TNLĐ cao nhất, số liệu về yếu tố này cũng tăng giảm thất thường. Yếu tố (1) có dấu hiệu tăng mạnh. Yếu tố (2) lại có dấu hiệu tăng đều.

Tuy nhiên, vẫn còn những yếu tố hy hữu hoặc bất ngờ như vấp ngã phải vật thể, bị kẹp giữa vật đang chuyển động (do chủ quan), hoặc bị va đập. Các yếu tố trên cho thấy mức độ an toàn lao động phần nào còn ít được chú trọng, đặc biệt vẫn còn xảy ra với những yếu tố hy hữu. Không chỉ những yếu tố hy hữu mà những yếu tố thường xuyên xảy ra tai nạn

như ngã cao, hoặc do các thiết bị phương tiện cán, kẹp vẫn xảy ra cho thấy ý thức bảo hộ lao động của cả người lao động và người sử dụng lao động trong những công việc nguy hiểm vẫn thấp.

2.4. Nguyên nhân xảy ra các vụ TNLĐ

Nguyên nhân xảy ra các vụ TNLĐ luôn xuất phát từ cả phía người lao động, người sử dụng lao động và phía cơ quan quản lý nhà nước.

a.. Về phía người sử dụng lao động

Nguyên nhân chủ yếu từ phía người sử dụng lao động được thống kê là do không có quy trình và biện pháp an toàn lao động. Nguyên nhân này chiếm 3,49% năm 2011 và tăng lên 4,13% năm 2012. Điều

Bảng 4: Tai nạn lao động theo yếu tố gây chấn thương

Stt	Yếu tố gây chấn thương chủ yếu	2009	2010	2011	2012
1	Máy, thiết bị cán, kẹp, cuốn...	185	173	225	1213
2	Phương tiện vận tải đường bộ	332	312	406	443
3	Kẹp giữa vật tĩnh và vật chuyển động, Kẹp giữa vật chuyển động (loại trừ vật văng bắn, rơi).	918	1209	1870	550
4	Ngã từ trên cao (giàn giáo, thang máy,...)	350	463	420	226
5	Va đập phản hồi do vật chuyển động, vật rơi	320	490	582	190
7	Vấp ngã bởi vật thể, điện giật, bỏng...	45	16	81	116
	Khác	158	320	289	215

Nguồn: Bộ LĐTBXH

Bảng 5: Những nguyên nhân từ phía người sử dụng lao động

Stt	Nguyên nhân chủ yếu	Số vụ	Tỷ lệ/ Tổng số vụ báo cáo	
			Năm 2011 (%)	Năm 2012 (%)
1	Không huấn luyện về an toàn lao động cho người lao động	123	7,8	1,81
2	Không có quy trình, biện pháp an toàn lao động	280	3,49	4,13
3	Do tổ chức lao động chưa hợp lý	91	3,37	1,34
4	Không có thiết bị an toàn hoặc thiết bị không đảm bảo an toàn	146	3,15	2,15
5	Không trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động	114	1,39	1,68

Nguồn: Bộ LĐTBXH

này cho thấy tỷ lệ người sử dụng lao động thiếu biện pháp an toàn lao động còn cao.

Nguyên nhân về thiết bị an toàn cũng chiếm tỷ lệ khá cao, năm 2011 là 3,15% và năm 2012 là 2,15%. Mặc dù giảm, song đây vẫn là một trong những nguyên nhân chủ yếu từ phía người sử dụng lao động. Nguyên nhân về tổ chức lao động đã giảm từ 3,37% năm 2011 xuống 1,34% năm 2012 cho thấy xu hướng tổ chức lao động hợp lý đã tốt hơn. Nguyên nhân do không huấn luyện về an toàn lao động cho người lao động giảm mạnh từ 7,8% năm 2011, xuống còn 1,81% năm 2012 cho thấy dấu hiệu người sử dụng lao động đã ý thức tốt hơn cho việc này.

Tuy nhiên, ngoại trừ các nguyên nhân trên, cũng xin lưu ý rằng hai năm 2011 và 2012, kinh tế suy thoái ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất của các doanh nghiệp, khiến phần lớn các doanh nghiệp thu

hẹp sản xuất hoặc sản xuất cầm chừng. Đây cũng có thể là nguyên nhân khiến TNLĐ giảm và các nguyên nhân chủ yếu chưa có điều kiện để tác động đến kết quả TNLĐ.

b. Về phía người lao động

Về phía người lao động, hai nguyên nhân cơ bản được thống kê là “vi phạm các quy trình, biện pháp an toàn” và “không sử dụng các trang thiết bị, phương tiện bảo vệ cá nhân”. Trong đó nguyên nhân vi phạm các quy trình chiếm tỷ lệ 30,73% năm 2011 và tăng lên 33,36% năm 2012. Nguyên nhân còn lại cũng chiếm tỷ lệ 4,78% năm 2011 và tăng lên 5,05% năm 2012. Như vậy, cả hai nguyên nhân này đều có dấu hiệu tăng lên.

Những nguyên nhân này tăng lên có thể còn do họ chưa được đào tạo, hoặc được đào tạo, huấn luyện về an toàn lao động chưa tốt nên vẫn còn tâm

Bảng 6: Những nguyên nhân để xảy ra TNLĐ do người lao động

Stt	Nguyên nhân	Số vụ	Tỷ lệ/ Tổng số vụ báo cáo	
			Năm 2011 (%)	Năm 2012 (%)
1	Vi phạm các quy trình, biện pháp làm việc an toàn về an toàn lao động	2261	30,73	33,36
2	Không sử dụng các trang thiết bị, phương tiện bảo vệ cá nhân	342	4,78	5,05
	Thiếu ý thức cá nhân và tinh thần trách nhiệm	53	1,12	3,45
	Khách quan, vô ý	22	8,07	1,05

Nguồn: Bộ LĐTBXH

lý chủ quan, coi thường TNLD. Hoặc cũng có thể còn do các biện pháp làm việc cũng như các trang thiết bị, phương tiện bảo vệ chưa phù hợp.

Cũng cần lưu ý nguyên nhân về ý thức và tinh thần trách nhiệm, mặc dù tăng nhẹ trong hai năm qua, song nguyên nhân này lại cho thấy vấn đề cơ bản của người lao động là chưa ý thức được những nguy hiểm và chưa chú trọng đến tính mạng bản thân.

c. Về phía các cơ quan quản lý Nhà nước

- Việc thanh tra, kiểm tra, xử lý của cơ quan nhà nước đối với các doanh nghiệp vi phạm công tác an toàn vệ sinh lao động còn chưa triệt để dẫn đến tình trạng còn nhiều người sử dụng lao động không chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật.

- Khu vực các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, các hộ kinh doanh cá thể, các làng nghề, chưa được quan tâm hướng dẫn đầy đủ quy định nhà nước về an toàn vệ sinh lao động dẫn đến việc vi phạm các quy định về An toàn - vệ sinh lao động và nguy cơ TNLD và bệnh nghề nghiệp cao.

3. Gợi ý giải pháp

Đến nay, dấu hiệu phục hồi kinh tế vẫn chưa xuất hiện rõ nét, các doanh nghiệp vẫn sản xuất cầm chừng hoặc thu hẹp sản xuất, điều này ảnh hưởng khá lớn đến việc giảm tai nạn lao động trong thời gian tới. Trong bối cảnh trên, việc đảm bảo an toàn lao động, đồng thời giảm thiểu các tai nạn lao động cũng là vấn đề đặt ra.

3.1. Về phía người sử dụng lao động

Một là, phải tăng cường tuyên truyền về văn hóa an toàn lao động và các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, cháy nổ tại nơi làm việc nhằm kêu gọi người sử dụng lao động và người lao động cùng nhau chung sức thực hiện tốt công tác an toàn - vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ nhằm nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm của chính bản thân người lao động. Thiết nghĩ, đã đến lúc không còn chỉ là hô hào, khẩu hiệu về an toàn lao động mà vấn đề xây dựng văn hóa an toàn lao động cần phải thiết thực, xuất phát từ nhu cầu và yêu cầu của bản thân người sử dụng lao động. Người sử dụng lao động cần nhận thức được vai trò của an toàn lao động trong sự phát triển bền vững của chính doanh nghiệp mình. Một khi vấn đề tai nạn lao động, cháy nổ xảy ra sẽ thiệt hại về người, của và tất nhiên là uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp cũng bị tổn hại.

Hai là, tăng cường đầu tư, mua sắm và trang bị các thiết bị đảm bảo an toàn lao động cho người lao động, đặc biệt là những ngành nghề mạo hiểm, nguy cơ TNLD cao. Các trang thiết bị đặc dụng đảm bảo an toàn lao động “phải” được đảm bảo trang bị cho người lao động. Người sử dụng lao động cần đánh giá nhu cầu và tiêu chuẩn của từng mức độ nguy hiểm của công việc để từ đó đầu tư, mua sắm trang thiết bị cho phù hợp.

Ba là, Tăng cường công tác huấn luyện, phổ biến kiến thức về an toàn lao động, vệ sinh lao động cho người lao động tại doanh nghiệp. Mở các lớp đào tạo, huấn luyện về an toàn lao động cho người lao động. Xây dựng các chương trình văn hóa trong sản xuất nhằm tác động lên người lao động về an toàn lao động. Nên chăng, các lớp huấn luyện, phổ biến kiến thức cần được lên kế hoạch phù hợp với người lao động.

Bốn là, tăng cường kỉ luật lao động, thực hiện nghiêm các nguyên tắc kỉ luật “Chỉ tổ chức sản xuất khi đảm bảo đầy đủ các điều kiện an toàn lao động”. Đồng thời sử dụng các chế tài xử phạt nghiêm khắc nhằm đảm bảo tính răn đe trong việc thực hiện an toàn lao động.

Năm là, Người sử dụng lao động trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh phải tuân thủ các quy định của nhà nước về an toàn lao động, vệ sinh lao động. Đồng thời người sử dụng lao động cũng cần tuân thủ tuyệt đối các biện pháp và nguyên tắc về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ. Ban ATLD- PCCN của các doanh nghiệp phải thường xuyên kiểm tra và tôn trọng các quy định của Nhà nước về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ. Vụ việc về cây xăng Trần Hưng Đạo vào đầu tháng 6 năm 2013 cho thấy minh họa rất rõ cho nhận định này.

3.2. Về phía người lao động

Một là, tự mình ý thức được mức độ nguy hiểm và sự ảnh hưởng của TNLD đối với công việc và cuộc sống của bản thân cũng như gia đình. Từ bỏ những thói quen cố hữu ảnh hưởng đến công việc sản xuất hàng ngày. Nâng cao tính chuyên nghiệp và hiện đại trong thao tác kĩ thuật và tính chuyên nghiệp và hiện đại trong nghề nghiệp.

Hai là, thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn lao động của Nhà nước và doanh nghiệp. Bản thân người lao động chưa có ý thức thực hiện nghiêm các quy định về an toàn lao động, do đó vấn đề này cần có có mức độ xử phạt nghiêm khắc nhằm

tạo lập lại kỉ luật về an toàn lao động.

Ba là, xây dựng văn hóa sản xuất, trong đó mỗi người lao động tự thể hiện yếu tố văn hóa trong việc nhận thức của người lao động đối với việc tạo ra sự an toàn lao động của bản thân mình. Vấn đề này bản thân người lao động cần được tạo lập môi trường lao động có tính công nghiệp, chuyên nghiệp.

3.3. Về phía cơ quan quản lý nhà nước.

Một là, tăng cường chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về an toàn lao động- vệ sinh lao động và các chế độ bảo hộ lao động. Chú trọng triển khai công tác huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho người sử dụng lao động và người lao động, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thông tin tuyên truyền về an toàn - vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ với nhiều hình thức phong phú hơn trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương.

Hai là, tăng cường công tác hướng dẫn, thanh tra việc thực hiện các quy định của Nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động ở các doanh nghiệp thuộc các

thành phần kinh tế, cần chú trọng đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ, làng nghề và công tác điều tra, báo cáo tai nạn lao động tại doanh nghiệp.

Ba là, kiên quyết xử lý nghiêm minh, kịp thời đối với các hành vi vi phạm luật pháp về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ. Các cấp quản lý nhà nước cần thực hiện nghiêm các chế tài xử phạt nặng đối với người sử dụng lao động không tuân thủ đúng quy định về an toàn lao động nhằm lập lại kỉ cương đối với người sử dụng lao động đối với vấn đề an toàn lao động. Công khai các doanh nghiệp không chấp hành nghiêm chỉnh công tác thống kê báo cáo TNLD theo quy định, nếu quá 3 lần vi phạm thì cần đình chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh; thực hiện tốt việc phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để tiến hành điều tra kịp thời, xác định chính xác nguyên nhân xảy ra các vụ tai nạn lao động chết người trong các doanh nghiệp, đảm bảo thời gian điều tra, lập biên bản các vụ tai nạn lao động theo đúng quy định của pháp luật. Thực hiện báo cáo tình hình tai nạn lao động trên địa bàn theo đúng quy định. □

Tài liệu tham khảo:

Phan Quang Vinh, (2010), *Giáo trình An toàn lao động*, Đại học Đà Nẵng.

Juan Carlos Hiba, (2008), *Cải thiện điều kiện lao động và năng suất lao động trong ngành may mặc*, Tổ chức lao động quốc tế ILO.

IOSH, 2010, *Giáo trình huấn luyện về an toàn nghề nghiệp vệ sinh cho lao động nước ngoài*, Taiwan Institute of Occupational Safety and Healthy.

Quyết định số 2281/QĐ-TTg ngày 10/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt “Chương trình quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động giai đoạn 2011 – 2015”.

Current situation of work accident in Vietnam

Abstract:

Despite economic recession the rate of accidents at work has been increasing. Accidents at work occur in many ways with different reasons. Today, we have just tried to minimize the consequences of accidents but but no comprehensive measure preventing the accidents. Preventing accident at work is being global problems. The paper presents a case study in Vietnam and suggests some solutions.

Thông tin tác giả:

***Vũ Trọng Nghĩa**, Tiến sĩ

- Nơi công tác: Khoa Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: nghiavt@neu.edu.vn